

Bản án số: 16/2018/HS-ST

Ngày 20 - 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thơm;

Ông Nguyễn Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Vi Văn Đ, sinh ngày 02 tháng 01 năm 1993 tại Lạng Sơn;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vy Văn B (tức Vy Thanh B), sinh năm 1961 và bà Lăng Thị S (đã chết); vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, năm 2015 đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo Quyết định số 04/QĐ-TA ngày 05/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn thời hạn 12 tháng; nhân thân: Năm 2010, bị cáo bị Ủy ban nhân dân thành phố L ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 400/QĐ-XLHC ngày 18/3/2010 về hành vi trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến nay. Có mặt.

- Người bị hại: Bà Đinh Ngọc T, sinh năm 1952; quốc tịch: Mỹ; trú tại: W.A. Từ chối có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Vy Văn B (tức Vy Thanh B), sinh năm 1961; trú tại: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Kim H1, sinh năm 1969 và bà Trần Thị Thanh L1, sinh năm 1980; cùng trú tại: Đường P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Đinh Bích T1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/11/2017, Vi Văn Đ, sinh năm 1993, trú tại thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn ra khu vực đường N1, phường T2, thành phố L chơi điện tử. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì hết tiền, Vi Văn Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu. Vi Văn Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu LANDA, biển kiểm soát X đi đến phía sau động T2, phường T2, thành phố L, để xe máy ở ngoài trèo vào trong động mục đích để lấy trộm tài sản. Khi đi đến khu vực bàn thờ ở trung tâm động, nhìn thấy bà Đinh Ngọc T, sinh năm 1952, trú tại W.A, Hoa Kỳ đang chụp ảnh cho ông H2 (là chồng bà Đinh Ngọc T) cùng bà Đinh Bích T1. Chiếc túi xách của bà Đinh Ngọc T để trên ghế đá cách khoảng 10 mét. Quan sát thấy mọi người không để ý, Vi Văn Đ đi đến cầm lấy và đi nhanh về khu vực “Cổng trời” của động T2, đi được 10 mét thì bà Đinh Ngọc T phát hiện và hô lên: “Nó lấy túi của tôi rồi” và hô hoán mọi người cùng đuổi theo. Vi Văn Đ bỏ chạy ra ngoài động T2 và lấy xe mô tô đi về khu vực nghĩa trang C, phường T2, thành phố L. Sau đó đứng lại lục lọi túi xách vừa lấy được thấy trong túi có 861 USD và 200.000đ tiền Việt Nam, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu trắng, Vi Văn Đ chiếm đoạt toàn bộ số tài sản này và vứt lại túi xách bên trong còn 01 (một) chiếc ví da màu đen, nhãn hiệu NINE WEST, 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có mặt hình tượng Phật Quan âm loại 14K ITALY cùng một số giấy tờ tùy thân khác trong bụi cây gần đó rồi đi đến khu đồi gần nhà thuộc thôn N, xã H, thành phố L giấu chiếc điện thoại di động IPHONE 6 màu trắng tại đó và đi về nhà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Vi Văn Đ mang số tiền 861 USD ra tiệm vàng B1, địa chỉ: Đường P, phường V, thành phố L đổi với bà Trần Thị Thanh L1 – sinh năm 1980, làm chủ, được 15.700.000đ tiền Việt Nam. Số tiền trên Vi Văn Đ đã chi tiêu hết 5.700.000 đồng. Còn lại 10.000.000 đồng Vi Văn Đ mang theo ra quán điện tử tại phường V, thành phố L ngồi chơi thì bị Công an thành phố Lạng Sơn bắt giữ. Ngay sau khi bắt được Vi Văn Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn đã tiến hành thu giữ toàn bộ vật chứng của vụ án.

Ngày 30/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn ra quyết định trưng cầu định giá các tài sản gồm: 01 (một) túi xách, 01 (một) ví da, 01 (một) điện thoại di động, 01 (một) dây chuyền vàng 14K. Công văn số 81/CATP-HS ngày 15/12/2017 về việc xác định giá trị ngoại tệ.

Kết quả định giá tài sản tố tụng hình sự số 180/ĐGTSTT ngày 01/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thành phố L kết luận: Giá trị của các tài sản là 6.654.000 đồng.

Công văn số 407/TCKH ngày 18/12/2017 của phòng Tài chính kế hoạch, tại thời điểm ngày 02/11/2017 xác định tỷ giá quy đổi trung bình của đô la Mỹ sang đồng tiền Việt Nam là 01 USD = 22.715 đồng. Quy đổi 861 USD =

19.557.615 đồng. Như vậy, tổng số tài sản mà Vi Văn Đ đã trộm cắp được là 26.211.615 đồng.

Ngày 04/01/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn ra quyết định trưng cầu giám định số 12 giám định tiền tạm giữ ngày 29/11/2017 của Vi Văn Đ. Tại bản giám định kết luận số 46/KLGD-PC54 ngày 10/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam gồm 10.000.000 đồng là tiền thật.

Đối với bà Trần Thị Thanh L1 là người đòi tiền với Vi Văn Đ nhưng không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có do vậy không có căn cứ để xử lý hình sự.

Tài sản của bà Đinh Ngọc T, Cơ quan điều tra đã trả lại, bà Đinh Thị T không có yêu cầu gì thêm.

Với nội dung nêu trên, tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSLS-P3 ngày 05/2/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Vi Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 xét xử và quyết định hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong cáo trạng là đúng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội.

Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 18 tháng tù giam; xác nhận người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản; trả lại cho bà Trần Thị Thanh L1 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); trả lại xe mô tô cho ông Vy Văn B.

Người bị hại bà Đinh Ngọc T trong giai đoạn điều tra đã được nhận lại toàn bộ số tài sản đã bị mất, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vy Văn B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trả lại chiếc xe máy biển kiểm soát X bị thu giữ do đây là tài sản của gia đình, bị cáo Vi Văn Đ sử dụng để phạm tội, ông không biết nay xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại cho gia đình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thanh L1 đề nghị được trả lại 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là số tiền mà bà Trần Thị Thanh L1 đã đòi tiền ngoại tệ cho bị cáo Vi Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Vi Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án và các vật chứng thu giữ được; do đó có căn cứ xác định khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 29/11/2017 bị cáo Vi Văn Đ đã có hành vi lợi dụng

vào sơ hớ của bà Đinh Ngọc T trong khi đi thăm viếng chùa T2 tại thành phố L để trộm cắp tài sản của bà Đinh Ngọc T với số tài sản gồm: 861 USD; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE6 màu trắng, 01 (một) ví da màu đen; 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng; 01 (một) chiếc túi xách da màu trắng; 01 (một) cuốn hộ chiếu của Mỹ tên H2; 01 (một) cuốn hộ chiếu của Mỹ tên Đinh Ngọc T; 01 (một) giấy phép lái xe ô tô mang tên Đinh Ngọc T do Washington State của Mỹ cấp; 01 (một) thẻ tín dụng màu đỏ tên Đinh Ngọc T; 01 (một) thẻ tín dụng màu đen tên H2. Qua định giá tài sản tố tụng hình sự, tổng số tài sản mà Vi Văn Đ đã trộm cắp được là 26.211.615đ (Hai mươi một triệu hai trăm mười một nghìn sáu trăm mười lăm đồng). Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đến nay đã có hiệu lực thi hành; như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và không oan.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thấy rằng hành vi đó đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, thể hiện sự coi thường kỷ cương pháp luật, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, do đó cần phải có mức án thật nghiêm để giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy: Về nhân thân, bị cáo có 01 tiền sự, năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc số 04/QĐ-TA ngày 05/11/2015 đối với bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản. Trước đó, năm 2010, bị cáo Vi Văn Đ cũng đã từng bị Ủy ban nhân dân thành phố L ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng số 400/QĐ-XLHC ngày 18/3/2010 cũng về hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo là người có nhân thân không tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định khung, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 thì còn áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015;

[6] Về hình phạt bổ sung, xét thấy bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Tuy đây là lần đầu bị cáo bị đưa ra xét xử về tội Trộm cắp tài sản, nhưng trước đó bị cáo đã thực hiện bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp, bị đưa vào trường giáo dưỡng nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân, nay tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, do đó cần phải có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo. Như vậy, ý kiến của kiểm sát viên đề nghị về mức án phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Tòa chấp nhận.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ được toàn bộ tài sản bị cáo đã trộm cắp được và đã trả lại cho người bị hại, ngoài ra còn thu giữ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), 01 xe mô tô nhãn hiệu LANDA

màu nâu, biển kiểm soát X; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên C1 và 01 đôi dép tổ ong. Xét thấy, đối với yêu cầu xin lại chiếc xe máy của ông Vy Văn B là chính đáng nên cần trả lại chiếc xe cùng với giấy tờ xe cho ông Vy Văn B. Đối với yêu cầu của bà Trần Thị Thanh L1 yêu cầu được trả lại số tiền 10.000.000đ, xét thấy bà Trần Thị Thanh L1 đổi tiền ngoại tệ với bị cáo Vi Văn Đ nhưng không biết số tiền đó là do trộm cắp mà có do vậy cần hoàn trả 10.000.000đ này cho bà Trần Thị Thanh L1. Đối với các tài sản khác không liên quan đến vụ án, trả lại cho bị cáo Vi Văn Đ; còn 01 đôi dép tổ ong không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy. Các ý kiến phù hợp với nhận định của Tòa đều đã được chấp nhận, còn các ý kiến khác không phù hợp không được chấp nhận.

[9] Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án; các hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên đều được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không có ý kiến khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Vi Văn Đ** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14; khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Vi Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (29/11/2017).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

2.1. Trả lại cho ông Vy Văn B (tức Vy Thanh B):

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LANDA màu nâu, biển kiểm soát X, số máy: Y, số khung: Z. Xe cũ đã qua sử dụng kèm theo 01 (một) chìa khóa xe.

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô mang tên C1, nơi đăng ký HKTT: Thôn N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Trả lại cho bà Trần Thị Thanh L1: 01 (một) phong bì niêm phong bên trong có 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền Việt Nam.

2.3. Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) đôi dép tổ ong màu trắng, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng nêu trên được ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Lạng Sơn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

3. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vi Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2018).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp;
- PC81B, PV27 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ; Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Sơn